

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Bảy

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2025 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chou C - H, sinh năm 1976; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan). Hộ chiếu số: 364852570; nơi cư trú: Phường M, quận N, thành phố T, Đài Loan. Vắng mặt;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, xã G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Nguyên đơn là anh Chou C - H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 16/11/1993 quen nhau qua mạng và kết hôn năm 2024.

Ngày 20/01/2024, anh về Việt Nam nộp hồ sơ tại Văn phòng kinh tế và Văn hóa Đ tại Hà Nội. Ngày 18/02/2024, A1 lần hai để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với chị Phương A tại UBND huyện G, tỉnh Bắc Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2024. Sau đó, anh đã quay lại Đài Loan sinh sống nhưng chị Phương A đã chấm dứt liên lạc với anh. Do chị Phương A không muốn sang Đài

Loan sinh sống cùng anh, chị [Phương A](#) muốn ly hôn với anh. Vì lý do này anh muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị [Nguyễn Thị Phương A](#).

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn chị [Nguyễn Thị Phương A](#) trình bày:* Ngày 19/02/2024, chị và anh [C1](#) Chun Hung tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại [UBND huyện G](#), tỉnh Bắc Ninh. Sau khi đăng ký kết hôn thì anh [Chou Chun H](#) quay trở lại Đài Loan sinh sống. Kể từ khi kết hôn đến nay vợ chồng chưa sống chung ngày nào do chị không muốn sang Đài Loan sinh sống cùng anh [Chou Chun H](#). Kể từ ngày anh [C1](#) Chun Hung về Đài Loan thì vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định chị và anh [Chou Chun H](#) không còn tình cảm nên anh [Chou Chun H](#) làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc của chị bận rộn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị, cho phép chị vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án.

Nguyên đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh [Chou C-H](#) và chị [Nguyễn Thị Phương A](#) đều có quan điểm vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh [Chou C](#) – Hung được ly hôn chị [Nguyễn Thị Phương A](#); Về con chung, tài sản và công nợ: Không có; Án phí: Anh [Chou C](#) – Hung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Theo đơn xin ly hôn, anh [Chou C](#) – Hung đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị [Nguyễn Thị Phương A](#). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

- Thẩm quyền giải quyết: Anh [Chou C](#) – Hung có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); chị [Nguyễn Thị Phương A](#) có hộ khẩu thường trú tại: [Thôn V, xã G, tỉnh Bắc Ninh](#). Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Việc tham gia tố tụng của các đương sự: Anh [Chou C](#) – H và chị [Nguyễn Thị Phương A](#) đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh [Chou C](#) – H và chị [Nguyễn Thị Phương A](#) tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/02/2024 tại [UBND huyện G](#), tỉnh Bắc Ninh. Tại thời điểm kết hôn chị [Phương A](#) và anh [Chou C](#) – H đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị [Phương A](#) và anh [Chou C](#) – Hung là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh [Chou C](#) – Hung về Đài Loan sinh sống, còn chị [Phương A](#) vẫn ở lại Việt Nam. Kể từ khi vợ chồng kết hôn vợ chồng chưa chung sống thực tế với nhau ngày nào. Cả hai bên đều xác định vợ chồng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân và đề nghị được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh [Chou C](#) – Hung là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Chou C](#) – H, xử cho anh [Chou C](#) – Hung được ly hôn chị [Nguyễn Thị Phương A](#).

- Con chung, tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Anh [Chou C](#) – Hung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Chou C](#) – Hung.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh [Chou C](#) – Hung được ly hôn chị [Nguyễn Thị Phương A](#).

- Con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có.

2. Án phí: Anh [Chou C](#) – Hung phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh [Chou C](#) – Hung (do chị [Nguyễn Thị Phương A](#), sinh năm 1993 nộp hộ) đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0002053 ngày 25/6/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Gia Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên  
tòa**

**Nguyễn Tuyết Mai**